

Số: 223 /QĐ-TĐC

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện
nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 2017

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (TCĐLCL);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 121/2014/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Quyết định số 905/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng đưa ra xét duyệt bắt đầu thực hiện trong kế hoạch năm 2017 của Tổng cục TCĐLCL;

Căn cứ Quyết định số 1936/QĐ-BKHCN ngày 12 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục TCĐLCL quản lý các nhiệm vụ chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-BKHCN ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017 (đợt 1);

Xét đề nghị của Giám đốc Văn phòng Thông báo và hỏi đáp quốc gia về TCĐLCL, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng “**Thực thi các cam kết về Hiệp định Hàng rào kỹ thuật trong thương mại trong khuôn khổ WTO và một số Hiệp định Thương mại tự do (FTAs) năm 2017**” (thuyết minh kèm theo):

- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Văn phòng Thông báo và hỏi đáp quốc gia về TCĐLCL;

- Thời gian thực hiện: năm 2017;


- Kinh phí thực hiện: 880.000.000 đ (Tám trăm tám mươi triệu đồng);

- Nguồn kinh phí:

Ngân sách nhà nước năm 2017: 880.000.000 đ (Tám trăm tám mươi triệu đồng).

Điều 2. Giám đốc Văn phòng Thông báo và hỏi đáp quốc gia về TCĐLCL có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo thuyết minh, dự toán được duyệt; kinh phí sử dụng và thanh quyết toán theo các quy định tài chính hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1523/QĐ-TĐC ngày 13 tháng 7 năm 2016 của Tổng cục trưởng Tổng cục TCĐLCL.

Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục, Giám đốc văn phòng thông báo và hỏi đáp quốc gia về TCĐLCL và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHTC.

TỔNG CỤC TRƯỞNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2017

HỢP ĐỒNG

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG

Số: **06** / 2017/TXTCN

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 121/2014/TT-T-BTC-BKH-CN ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (TXTCN) của tổ chức khoa học và công nghệ (KH&CN) công lập;

Căn cứ Quyết định số 905/QĐ-BKH-CN ngày 21 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng đưa ra xét duyệt bắt đầu thực hiện trong kế hoạch năm 2017 của Tổng cục TCDLCL;

Căn cứ Quyết định số 1936/QĐ-BKH-CN ngày 12 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục TCDLCL quản lý các nhiệm vụ chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-BKH-CN ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017 (dợt 1).

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A): TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

- Do: Ông **Trần Văn Vinh**
- Chức vụ: Tổng cục trưởng làm đại diện
- Địa chỉ: 08 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: 04.37911606 Fax: 04.37911595

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B): VĂN PHÒNG THÔNG BÁO VÀ HỎI ĐÁP QUỐC GIA VỀ TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

- Do: Bà **Lê Bích Ngọc**
- Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách làm đại diện
- Địa chỉ: 08 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội

- Điện thoại: 37911599 Email: bichngoc@tbt.gov.vn
- Số tài khoản: 8123 Mã quan hệ với ngân sách: 1069715
- Tại: Kho bạc nhà nước Cầu Giấy

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện Nhiệm vụ TXTCN.

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện Nhiệm vụ TXTCN “Thực thi các cam kết về Hiệp định Hàng rào kỹ thuật trong thương mại trong khuôn khổ WTO và một số Hiệp định Thương mại tự do (FTAs) năm 2017” theo các nội dung trong Thuyết minh Nhiệm vụ TXTCN đã được Tổng cục trưởng Tổng cục TCHLCI phê duyệt tại Quyết định số 223/QĐ-TĐC ngày 17/02/2017 (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện Nhiệm vụ TXTCN là 12 tháng

Điều 3. Kinh phí thực hiện Nhiệm vụ TXTCN

1. Nhiệm vụ TXTCN được thực hiện theo hình thức: Không khoán chi
2. Tổng kinh phí thực hiện Nhiệm vụ TXTCN là 880.000.000 đ (bằng chữ: Tám trăm tám mươi triệu đồng), trong đó:
 - Kinh phí từ ngân sách nhà nước: 880.000.000 đ (bằng chữ: Tám trăm tám mươi triệu đồng)
3. Tiến độ cấp kinh phí: Tiến độ cấp kinh phí được ghi trong Thuyết minh phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các Bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;
- b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt;
- c) Phê duyệt kế hoạch đầu thầu, mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Nhiệm vụ TXTCN bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có);
- d) Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Nhiệm vụ TXTCN của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;
- d) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Nhiệm vụ TXTCN theo Thuyết minh;

e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Nhiệm vụ TXTCN;

g) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ TXTCN của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

h) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

i) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ TXTCN sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;

k) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Nhiệm vụ TXTCN đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh;

b) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

c) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện Nhiệm vụ TXTCN;

d) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

đ) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

e) Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

g) Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Nhiệm vụ TXTCN bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để gửi Bên A phê duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

h) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Nhiệm vụ TXTCN theo quy định của pháp luật;

i) Có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

k) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ TXTCN sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

- l) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;
- m) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Nhiệm vụ TXTCN đã kết thúc và được nghiệm thu.
2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Nhiệm vụ TXTCN là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.
3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Nhiệm vụ TXTCN theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Nhiệm vụ TXTCN theo quy định pháp luật.
5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Nhiệm vụ TXTCN không thể tiếp tục thực hiện do:
 - a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Nhiệm vụ TXTCN mà không có lý do chính đáng;
 - b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với Nhiệm vụ TXTCN đã kết thúc và được nghiệm thu:
 - a) Nhiệm vụ TXTCN đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.
 - b) Nhiệm vụ TXTCN đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức “không đạt” thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước không quá 10% tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho nhiệm vụ nếu do lỗi khách quan hoặc không thấp hơn 30% tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho nhiệm vụ nếu do lỗi chủ quan.
2. Đối với Nhiệm vụ TXTCN chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:
 - a) Trường hợp Nhiệm vụ TXTCN chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện Nhiệm vụ TXTCN và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.
 - b) Trường hợp hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với Nhiệm vụ TXTCN bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Nhiệm vụ TXTCN theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng.

Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước không quá 10% tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho nhiệm vụ nếu do lỗi khách quan hoặc không thấp hơn 30% tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho nhiệm vụ nếu do lỗi chủ quan.

4. Đối với Nhiệm vụ TXTCN không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Nhiệm vụ TXTCN, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng

1. Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho Nhiệm vụ TXTCN được thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Các sản phẩm vật chất của Nhiệm vụ TXTCN sử dụng ngân sách nhà nước: nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân chia theo quy định pháp luật.

Điều 8. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Nhiệm vụ TXTCN.


2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

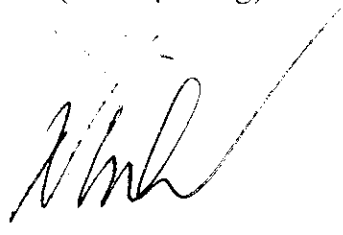
3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hòa giải để giải quyết. Trường hợp không hòa giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết (hoặc khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự).

Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng

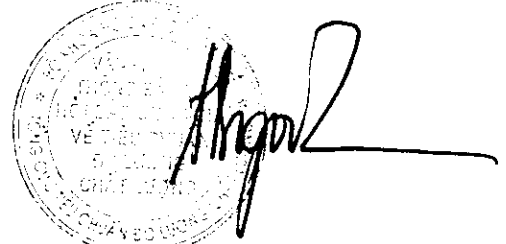
Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng này được lập thành 06 bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 03 bản./.

BÊN A 
(Bên đặt hàng)



BÊN B
(Bên nhận đặt hàng)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Bích Ngọc

**MẪU THUYẾT MINH VÀ DỰ TOÁN
NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG**

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ

1	Tên nhiệm vụ: <i>Thực thi các cam kết về Hiệp định Hàng rào kỹ thuật trong thương mại trong khuôn khổ WTO và một số Hiệp định Thương mại tự do (FTAs) năm 2017.</i>		
2	Thời gian thực hiện: (từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017)		
3	Kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí: 880 triệu đồng , trong đó: - Từ ngân sách sự nghiệp khoa học: 880 triệu đồng - Từ nguồn tự có của tổ chức: 0 đồng - Từ nguồn khác: 0 đồng		
4	Chủ nhiệm nhiệm vụ: Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Phương Ngày, tháng, năm sinh: 27/8/1981 Nam/ Nữ: Nữ. Học hàm, học vị: Thạc sĩ quản lý KHCN Chức danh khoa học: Chức vụ: Phó trưởng phòng NCTK Điện thoại của tổ chức: 04 37911599 Nhà riêng: 04 37500380 Mobile: 0912750805 E-mail: maiphuong@tbtvn.org Tên tổ chức đang công tác: Văn phòng Thông báo và Hỏi đáp Quốc gia về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Văn phòng TBT Việt Nam) Địa chỉ tổ chức: Số 8 Hoàng Quốc Việt – Cầu Giấy, Hà Nội		
5	Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Tên tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Văn phòng Thông báo và Hỏi đáp Quốc gia về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Điện thoại: 04 37911599 Fax: 04 37913441 Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Họ và tên thủ trưởng tổ chức: Lê Bích Ngọc Số tài khoản: 8123 tại Kho bạc Nhà nước Cầu Giấy – Hà Nội Tên cơ quan chủ quản nhiệm vụ: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng		
6	Các cán bộ thực hiện nhiệm vụ: <i>(cả những người trực tiếp và gián tiếp thực hiện nhiệm vụ)</i>		
	Họ và tên, học hàm học vị	Đơn vị công tác	Thời gian làm việc cho nhiệm vụ <i>(Số tháng quy đổi)</i>
	Những người trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ		

1	Th.s Nguyễn Thị Mai Phương	Phòng NCTK VPTBTVN	Chủ trì, dịch tài liệu viết báo cáo, tham gia tập huấn Mạng lưới, hội thảo	4
2	Tôn Nữ Thục Uyên	Phòng TBHD VPTBTVN	Dịch tài liệu, viết báo cáo chuyên đề, tham gia tập huấn Mạng lưới, hội thảo.	3
3	Ths. Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Phòng TBHD VPTBTVN	Dịch tài liệu, viết báo cáo chuyên đề, tham gia tập huấn Mạng lưới, hội thảo.	3
4	Cn Nguyễn Trọng Nhân	TBHD VPTBTVN	Dịch tài liệu, viết báo cáo chuyên đề, tham gia tập huấn Mạng lưới, hội thảo.	2
Những người gián tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ				
5	Th.s Lê Bích Ngọc	Lãnh đạo VP	Quản lý chung, theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ	4
6	CN. Phan Thị Thu Hoài	Phòng HCTH VPTBTVN	Quản lý, thực hiện công tác kế toán của nhiệm vụ	3
7	CN. Dương Văn Anh	Phòng HCTH VPTBTVN	Thực hiện thanh toán nhiệm vụ; giao dịch với kho bạc và các công tác liên quan đến tài chính của nhiệm vụ	2
8	Đỗ Kiều Diệp	Phòng HCTH VPTBTVN	Thực hiện công việc hành chính, văn thư	1

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

- **Mục tiêu:**

- Tiếp tục thông tin, cảnh báo sớm cho các cơ quan quản lý và doanh nghiệp về các biện pháp kỹ thuật của các nước Thành viên WTO nhằm phòng chống ảnh hưởng của Quy định này tới doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu sản phẩm của Việt Nam và xem xét, đánh giá sự cần thiết phải xây dựng một/một số biện pháp kỹ thuật của Việt Nam theo hướng như quy định của các nước Thành viên WTO để hạn chế hàng hóa kém chất lượng và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng trong nước.

- Phổ biến rộng rãi cho các doanh nghiệp và hiệp hội ngành hàng về các ảnh hưởng và tác động của các biện pháp kỹ thuật đối với xuất khẩu Việt Nam nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp có những phản ứng kịp thời đối với các quy định của thị trường xuất khẩu

- Thực hiện nghĩa vụ thành viên WTO trong việc tham dự các cuộc họp Ủy ban TBT thường niên.

- Duy trì việc tập huấn đào tạo cán bộ thuộc Mạng lưới TBT nhằm cập nhật và bổ sung các kiến thức về nghiệp vụ cũng như thông tin về TBT.

- Duy trì hoạt động của hệ thống thông tin TBT Việt Nam – Cổng thông tin TBT Việt Nam, nhằm đảm bảo hoạt động và cung cấp thông tin liên tục cho Văn phòng TBT và Mạng TBT, doanh nghiệp các cơ quan trong và ngoài nước đáp ứng nghĩa vụ minh bạch hóa về TBT của Việt Nam trong các hiệp định thương mại tự do đã tham gia ký kết.

7	Kế hoạch thực hiện:				
	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Sản phẩm, kết quả của nhiệm vụ	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện	Dự kiến kinh phí (nghìn đồng)
	<p>7.1. Nghiên cứu, phổ biến các biện pháp kỹ thuật của các nước Thành viên WTO có ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam</p> <p>Nội dung 1: Thu thập và dịch tài liệu 06 biện pháp kỹ thuật của các nước Thành viên WTO được đánh giá là có khả năng ảnh hưởng tới xuất khẩu của Việt Nam và các tài liệu liên quan khác;</p> <p>Các tài liệu dịch có thể là tiếng Anh hoặc các ngôn ngữ khác của các nước Thành viên WTO, tùy theo biện pháp kỹ thuật được lựa chọn để nghiên cứu</p> <p>Nội dung 2: Tổ chức hội thảo khoa học về đánh giá khả năng tác động 06 biện pháp kỹ thuật của các nước Thành viên WTO đối với Việt Nam;</p> <p><i>thời gian: 01 buổi, tại Hà Nội, số lượng đại biểu: 25 đại biểu, đối tượng là các cơ quan quản lý, các Bộ quản lý chuyên ngành có liên quan tới mặt hàng/sản phẩm được điều chỉnh trong biện pháp kỹ thuật, các chuyên gia trong lĩnh vực cụ thể và các doanh nghiệp XK có ảnh hưởng)</i></p> <p>Nội dung 3: Xây dựng báo cáo đánh giá khả năng tác động của 06 biện pháp kỹ thuật của các nước Thành viên WTO đối với Việt Nam;</p> <p>Nội dung 4: Tổ chức hội thảo khoa học tuyên truyền phổ biến về 06 biện pháp kỹ thuật và đánh giá khả năng tác động của 6 biện pháp này đối với Việt Nam cho các doanh nghiệp xuất khẩu và các cơ quan quản lý có liên quan.</p>	<p>720 trang tài liệu dịch</p> <p>06 Báo cáo</p> <p>06 Hội thảo lấy ý kiến</p>	<p>Tháng 1-12/2017</p>	<p>Văn phòng TBT Việt Nam</p> <p>Các chuyên gia trong lĩnh vực mà 06 biện pháp kỹ thuật điều chỉnh</p>	<p>284.400</p>

	<p>Công việc thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hội thảo khoa học phổ biến rộng cho các cơ quan quản lý, và Doanh nghiệp xuất khẩu, hiệp hội doanh nghiệp, ngành hàng, điểm TBT thuộc Mạng lưới + Địa điểm dự kiến: tại Hà Nội & Tp Hồ Chí Minh + Thời gian: 01 ngày + Số lượng đại biểu: 100 người/hội thảo 	<p>Bộ Tài liệu hội thảo</p> <p>02 hội thảo tại 2 miền: Bắc, Nam</p>	<p>Tháng 5-12/2017</p>	<p>Văn phòng TBT Việt Nam</p>	
	<p>7.2 Thực hiện nghĩa vụ Thành viên của WTO:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham dự các cuộc họp thường kỳ của Ủy ban WTO/TBT trong năm 2017: 3 phiên/năm (tháng 3, tháng 6 và tháng 11) và các phiên họp chủ đề có liên quan tới TBT tại Geneva, Thụy Sĩ - Số lượng: 1-2 người/phiên. 	<p>Báo cáo các phiên họp</p>	<p>Tháng 3-12/2017</p>	<p>Văn phòng TBT</p>	<p>324.000</p>
	<p>7.3 Tập huấn Mạng lưới TBT Việt Nam</p> <p>Nội dung tập huấn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hoạt động mới của Ủy ban TBT đối với việc thực thi Hiệp định TBT; các bài tập thực hành đánh giá mức độ hiểu biết của học viên về các quy định này. - Hướng dẫn khai thác Cổng Thông tin TBT - Việc thực thi nghĩa vụ của Việt Nam đối với Hiệp định TBT của WTO và một số FTAs khác mà Việt Nam tham gia ký kết; các bài tập thực hành đánh giá mức độ hiểu biết của học viên. <p>Công việc thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên soạn bộ tài liệu tập huấn mới 250 trang. - Tổ chức tập huấn <p>+ Thời gian: 3 ngày</p> <p>+ Đại biểu: 100 đại biểu</p> <p>+ Đối tượng: Mạng lưới TBT Việt Nam</p> <p>+ Địa điểm: Dự kiến tại T.p Nha Trang.</p>	<p>Bộ tài liệu tập huấn, Tập huấn</p>	<p>Tháng 7-10/2017</p>	<p>Văn phòng TBT Việt Nam</p>	<p>140.412</p>
	<p>7.4 Thuê server và đường truyền duy trì hệ thống thông tin TBT</p>	<p>Các phần mềm đảm bảo chạy ổn định</p>	<p>Tháng 01-12/2017</p>	<p>Công ty truyền thông</p>	<p>131.388</p>

• **Phương pháp triển khai:**

- Thu thập và dịch tài liệu
- Nghiên cứu: Viết báo cáo chuyên đề
- Tổ chức hội thảo lấy ý kiến, hội thảo phổ biến rộng
- Tập huấn

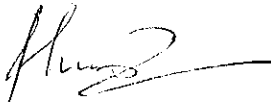
III. TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ NGUỒN KINH PHÍ

Đơn vị tính: đồng

8	Kinh phí đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo các khoản chi		
		Tổng số	Trong đó	
			Thuê khoán chuyên môn	Chi khác
	880.000.000	880.000.000	110.150.000	769.850.000



Ngày 17 tháng 02 năm 2017

Chủ nhiệm nhiệm vụ
(Họ tên và chữ ký)



Nguyễn Thị Mai Phương

Ngày 17 tháng 02 năm 2017

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)



Bê Bích Ngọc

Ngày 17 tháng 02 năm 2017

Cơ quan chủ quản 
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu khi phê duyệt)

PHC

Nguyễn Văn Hải

Phụ lục
GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

(Đơn vị: đồng)

A. CHI TIẾT KHOẢN THUÊ KHOẢN CHUYÊN MÔN

STT	Nội dung chi	ĐVị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật của các nước Thành viên WTO				86.400.000
1	Dịch các tài liệu của 6 biện pháp kỹ thuật của các nước thành viên WTO và các văn bản có liên quan tới 06 biện pháp đó	trang	720	120.000	86.4000.000
II	Tập huấn Mạng lưới TBT Việt Nam				23.750.000
1	Biên soạn bộ tài liệu mới dành cho tập huấn (các quy định mới của UB WTO/TBT, bài tập thực hành, tra cứu thông tin, việc thực thi nghĩa vụ của Việt Nam đối với Hiệp định TBT; các bài tập thực hành đánh giá mức độ hiểu biết của học viên)	trang	250	70.000	17.500.000
2	Biên tập chỉnh sửa tài liệu	trang	250	25.000	6.250.000
Tổng cộng (I + II)					110.150.000

Ghi chú : Tài liệu dịch có thể là tiếng Anh hoặc ngôn ngữ khác của các nước Thành viên WTO, tùy theo BPKT được lựa chọn để nghiên cứu, do vậy kinh phí dịch sẽ được điều chỉnh linh hoạt theo số lượng tài liệu dịch mà không làm thay đổi tổng kinh phí dịch được phê duyệt

B. CÁC KHOẢN CHI KHÁC

STT	Nội dung chi	ĐVị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	ghi chú
I	Nghiên cứu , phổ biến các quan ngại thương mại nổi bật				198.000.000	
1	Hội thảo khoa học về đánh giá tác động các biện pháp kỹ thuật của các nước Thành viên WTO (6 biện pháp kỹ thuật) Số lượng: 6 hội thảo Thời gian: 1 buổi/hội thảo Đại biểu: 25 người/hội thảo Địa điểm: Hà Nội	Hội thảo	6		47.700.000	
	Chủ trì hội thảo	Buổi	1	600.000	600.000	Theo hướng dẫn tại QĐ 2392/QĐ-BKHCHN
	Thư ký	Buổi	1	200.000	200.000	
	Đại biểu tham dự	người	23	100.000	2.300.000	
	Báo cáo viên tại hội thảo	Báo cáo	2	8.000	1.600.000	
	Chi phí phô tô đóng quyển tài liệu (100 trang/bộ)	Bộ	25	50.000	1.250.000	
	Chi phí gửi thư, hoa tươi..., chi phí văn phòng phẩm khác			Hóa đơn	2.000.000	
	Tổng chi phí 1 hội thảo				7.950.000	
2	Hội thảo khoa học phổ biến quan ngại thương mại có ảnh hưởng tới xuất khẩu của Việt Nam				150.300.000	
2.1	Tổ chức hội thảo tại Hà Nội, 100 người, thời gian: 1 ngày (2 buổi)				56.400.000	
	Chủ trì hội thảo	buổi	2	600.000	1.200.000	Theo hướng dẫn tại QĐ 2392/QĐ-BKHCHN
	Thư ký	buổi	2	200.000	400.000	
	Đại biểu tham dự	98 người x 2 buổi	196	100.000	19.600.000	
	Tham luận	bc	4	800.000	3.200.000	
	Thuê hội trường	hội trường	1	15.000.000	15.000.000	
	Trang trí, in ấn banner	chiếc	1	3.000.000	3.000.000	
	Chi nước uống cho đại biểu	ngày	100	30.000	3.000.000	

STT	Nội dung chi	ĐVị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	ghi chú
	Chi phí phô tô đóng quyền tài liệu (200 trang / tài liệu)	quyển	100	80.000	8.000.000	
	Chi phí gửi thư, hoa tươi, phát sinh khác...	hóa đơn			3.000.000	
2.2	Hội thảo chuyên đề tại Tp: HCM, số đại biểu: 100 người, thời gian 1 ngày				93.900.000	
	Chi phí tổ chức hội thảo				61.700.000	
	Chủ trì hội thảo	1 người x 2 buổi	2	600.000	1.200.000	Theo hướng dẫn tại QĐ 2392/QĐ-BKHCHN
	Thư ký	1 người x 2 buổi	2	200.000	400.000	
	Đại biểu tham dự	98 người x 2 buổi	196	100.000	19.600.000	
	Tham luận	bc	4	800.000	3.200.000	
	Hỗ trợ đại biểu không hưởng lương ngân sách	Đại biểu	50	100.000	5.000.000	
	Thuê hội trường	hội trường	1	15.000.000	15.000.000	
	Trang trí, in ấn banner	chiếc	1	3.000.000	3.000.000	
	Chi nước uống cho đại biểu	ngày	100	30.000	3.000.000	
	Chi phí phô tô đóng quyền tài liệu (200 trang / tài liệu)	quyển	100	80.000	8.000.000	
	Chi phí gửi thư, hoa tươi...	hóa đơn			3.300.000	
	Chi phí cho ban tổ chức				32.200.000	
	Vé máy bay HN-HCM-HN	vé	4	6.000.000	24.000.000	
	Đi lại từ Hà Nội – Nội Bài- Hà Nội	lượt	2	350.000	700.000	
	Đi lại từ sân bay TSN – KS-TSN	lượt	2	150.000	300.000	
	Thuê phòng nghỉ (3 phòng x 2 đêm)	phòng	6	900.000	5.400.000	
	Phụ cấp lưu trú (4 người x 3 ngày)	người	12	150.000	1.800.000	
II	Hợp Ủy ban TBT (tỉ giá tạm tính của NH Vietcombank 1USD = 22.690), dự kiến 04 người tham dự cho 3 cuộc họp				324.000.000	

STT	Nội dung chi	ĐVị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	ghi chú
1	Vé máy bay cho 4 người	vé khứ hồi	4	2.350 USD	9.400 USD	213.286.000 VND
2	Thuê phòng nghỉ cho 4 người	4 đêm x 4 người	16	80 USD	1.280 USD	29.043.200 VND
3	Tiền ăn, tiêu vặt cho 4 người	6 ngày x 4 người	24	75 USD	1.800 USD	40.842.000 VND
4	Tiền thuê phương tiện đi lại tại nước sở tại cho 4 người	Người	4	80 USD	320 USD	7.260.800 VND
5	Tiền thuê phương tiện từ sân bay khi nhập cảnh đến nơi ở nước đến công tác và ngược lại	Người	4	110 USD	440 USD	9.968.200 VND
6	Tiền thuê phương tiện từ nhà đến sân bay và ngược lại (mỗi người 2 lượt x 4 người)	Lượt	8	350.000 VND	2.800.000 VND	2.800.000 VND
7	Điện thoại, fax, internet	Đoàn	3	80 USD	240 USD	5.445.600 VND
8	Phí bảo hiểm	Người	4	600.000 VND	2.400.000 VND	2.400.000 VND
9	Phí làm dịch vụ visa	Người	4	720.000 VND	2.880.000 VND	2.880.000 VND
11	Phí dự phòng (tăng giá vé, phát sinh tỉ giá khoảng, phí visa)				10.058.800 VND	10.058.800 VND
Tổng II					324.000.000	324.000.000
III	Tập huấn Mạng lưới TBT				116.662.000	
1	Tổ chức tập huấn tại Nha Trang (3 ngày) – 100 đại biểu, 4 người trong ban tổ chức					
1.1	Chi phí hội nghị				73.500.000	
	Thuê Hội trường	ngày	3	12.000.000	36.000.000	
	Trang trí, in ấn baner	cái	1	5.000.000	5.000.000	
	Nước uống	100 người x 3 ngày	300	30.000	9.000.000	

STT	Nội dung chi	ĐVị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	ghi chú
	Thuê máy tính phục vụ cho tập huấn	30 máy x 2 ngày	60	250.000	15.000.000	
	Chi phí phô tô đóng quyển tài liệu tập huấn (250 trang/quyển)	bộ	100	85.000	8.000.000	
1.2	Chi phí tổ chức				43.162.000	
	Công tác phí	5 ngày x 4 người	20	150.000	3.000.000	
	Tiền thuê phòng nghỉ	4 đêm x 3 phòng	12	900.000	10.800.000	
	Vé máy bay HN- Nha Trang-HN	Vé khứ hồi	4	6.000.000	24.000.000	
	Chi phí đi lại từ HN-NB-HN; Sân bay Cam Ranh-Phòng nghỉ -Sân bay Cam Ranh; giá vé, hoa tươi, gửi thư mời, ...				5.362.000	
IV	Thuê máy chủ và đường truyền duy trì Hệ thống Công thông tin TBT				131.388.000	
1	Thuê 01 máy chủ: Máy chủ 1: BM X3650 M5, Xeon 6C 5E – 2620v3 RAM : 32GB HDD: 1TB				77.200.000	Theo báo giá của Netnam
2	Thuê đường truyền internet Nhà cung cấp VNPT Tốc độ 46 Mbps Thời hạn: 12 tháng	tháng	12	4.499.000	53.988.000	
Tổng cộng (I + II + III + IV)					769.850.000	

**CÔNG TY CỔ PHẦN NETNAM**

Địa chỉ: 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04.3756 4907 - Fax: 04.3756 1888

Email: vas-hn@netnam.vn - Website: http://netnam.vn

BẢNG BÁO GIÁ DỊCH VỤ CHO THUÊ MÁY CHỦKính gửi: **Văn phòng TBT Việt Nam**

Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại:

Date:

02/09/17

Công ty CP NetNam rất vui lòng được gửi bảng báo giá dịch vụ cho thuê máy chủ theo yêu cầu của Quý khách hàng, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Giá
I	PHÍ DỊCH VỤ	
	Phí tạo dịch vụ	Miễn phí
	Cước hàng tháng	5,850,000
II	NỘI DUNG DỊCH VỤ	
2.1	Máy chủ	
	CPU	IBM X3650 M5, Xeon 6C E5-2620v3
	Ram	32 GB
	HDD	1 TB
2.2	Thông số chỗ đặt	
	Lưu lượng thông tin	Không giới hạn
	Băng thông trong nước	500 Mbps
	Băng thông quốc tế	12 Mbps / 6Mbps
	Ổ cắm mạng	100 Mbps
	Địa chỉ IP	1 IP
	Hỗ trợ kỹ thuật	24X7
	Thời hạn hợp đồng	12 tháng
	Thanh toán trước	12 tháng / lần
	Tổng giá trị hợp đồng trước thuế	70,200,000
	VAT 10%	7,020,000
	Thành tiền (bao gồm thuế)	77,220,000

Lưu ý:

- Báo giá trên có hiệu lực trong vòng 30 ngày từ ngày 09/02/2017 đến ngày 09/03/2017

Mọi thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ:

Ly Thi Thanh Tam | (Ms.)

Online Business Department

NetNam Corporation

18 Hoang Quoc Viet, Cau Giay, Ha Noi, Viet Nam

(T)+84-4-37563888; (F)+84-4-37561888 (M)+84-(0)-97 6764488

(E) tam.ltt@netnam.vn; (W) www.netnam.vn